TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 21 – 4 – 2023
V/v "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà **Võ Trịnh Thùy Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thanh Niên**

2. Bà **Võ Thị Điệp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 674/2022/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-DS ngày 09/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2023/QĐST-DS ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 266 – 268 N, phường V, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Lưu Văn H – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, là anh Bùi Minh T, sinh năm 1983 – Chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ - Phòng Kiểm soát rủi ro – Chi nhánh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2022).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn G, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

(Anh TH có mặt, ông G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn anh Bùi Minh T trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S, có tài trợ cho ông Võ Văn G vay vốn theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ LD1926100703 ngày 18/9/2019. Theo đó ông Võ Văn G đã nhận nợ vay số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay vốn là tiêu dùng, không có tài sản đảm bảo, hai bên thỏa thuận là trả nợ theo kỳ, tổng cộng là 36 kỳ, mỗi kỳ ông G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S số tiền là 1.846.300 đồng vào ngày 20 hàng tháng, kỳ đầu tiên bắt đầu từ ngày 20/10/2019, ông G thực hiện được trả được 8 kỳ thì ngưng không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận. Do đó đến ngày 20/5/2020, ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu ông Võ Văn G thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng ông G không thực hiện. Tính đến ngày 21/4/2023 dư nợ hiện tại là 63.878.986 đồng, trong đó: nợ gốc là 38.896.000 đồng, lãi trong hạn là 16.286.111 đồng, lãi quá hạn là 7.906.250 đồng và lãi phạt là 790.625 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 63.878.986 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Võ Văn G trả số tiền vốn vay còn nợ là 38.896.000 đồng, tổng tiền lãi là: 24.982.986 đồng (tính đến ngày 21/4/2023), tổng cộng vốn và lãi là 63.878.986 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Hợp đồng tín dụng số LD1926100730 ngày 18/9/2019) cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với bị đơn là ông Võ Văn G đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

- Giấy ủy quyền ngày 18/5/2022 (bản chính);

- Quyết định số 3161 ngày 27/12/2021 (bản chứng thực);

- Quyết định điều động và bổ nhiệm nhân sự số 2205 ngày 4/5/2020 (bản sao chứng thực);

- Quyết định bổ nhiệm chức danh tổng giám đốc Ngân hàng ngày 25/7/2017 (bản sao chứng thực);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp (bản sao chứng thực);

- Bảng tính lãi vay khách hàng Võ Văn G ngày 10/5/2022 (bản chính);

- Bảng tính lãi vay khách hàng Võ Văn G ngày 21/4/2022 (bản chính);

- Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ ngày 18/9/2019 (bản photo).

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là ông G biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Võ Văn G trả số tiền vốn vay còn nợ là 38.896.000 đồng, tổng tiền lãi là: 24.982.986 đồng (tính đến ngày 21/4/2023), tổng cộng vốn và lãi là 63.878.986 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Võ Văn G có địa chỉ tại xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng: Đối với bị đơn là ông Võ Văn G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì Ngân hàng không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn 38.896.000 đồng, tổng tiền lãi là: 24.982.986 đồng (tính đến ngày 21/4/2023), tổng cộng vốn và lãi là 63.878.986 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ:

Vào ngày 18/9/2019, ông Võ Văn G có ký hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1926100703 với Ngân hàng TMCP S với số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất 11 %/năm; lãi suất chậm trả 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Việc hai bên ký hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi vay thì ông G đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP S được 8 kỳ đến ngày 20/5/2020 với số tiền là 14.770.400 đồng (trong đó tiền gốc là 11.104.000 đồng, tiền lãi 3.666.400 đồng), sau đó ông G ngưng không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận ký kết và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Võ Văn G trả nợ nhưng ông G vẫn không trả.

Do đó, việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu các bị đơn là ông Võ Văn G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn vay 38.896.000 đồng, tổng tiền lãi là: 24.982.986 đồng (tính đến ngày 21/4/2023) (gồm lãi trong hạn 16.286.111 đồng, lãi quá hạn 7.906.250 đồng, lãi phạt 790.625 đồng), tổng cộng vốn và lãi là 63.878.986 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Võ Văn G trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn vay 38.896.000 đồng, tổng tiền lãi là: 24.982.986 đồng (tính đến ngày 21/4/2023) (gồm lãi trong hạn 16.286.111 đồng, lãi quá hạn 7.906.250 đồng, lãi phạt 790.625 đồng), tổng cộng vốn và lãi là 63.878.986 đồng.

[7] Về án phí:

+ Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu ông Võ Văn G trả số tiền vốn vay là 38.896.000 đồng, tổng tiền lãi là: 24.982.986 đồng

(tính đến ngày 21/4/2023), tổng cộng vốn và lãi là 63.878.986 nên ông G phải chịu 3.193.949 đồng (làm tròn 3.194.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP S. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.392.000 đồng theo biên lai số 014646 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc ông Võ Văn G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng vốn và lãi là 63.878.986 đồng (Sáu mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng số LD1926100703 ngày 18/9/2019), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

+ Ông Văn Văn G phải chịu 3.193.949 đồng (làm tròn 3.194.000 đồng) (Ba triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.392.000 đồng theo biên lai số 0014646 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Trịnh Thùy Vân